

TÔN GIÁO Ở NƯỚC NGOÀI

**PHẬT GIÁO Ở MYANMA
QUA CÁC CÔNG TRÌNH NGHỆ THUẬT CỔ
(TỪ ĐẦU CÔNG NGUYÊN ĐẾN THẾ KỈ XI)**

BÙI THỊ ÁNH VÂN^(*)

1. Kiến trúc

1.1. Tại các quốc gia Pyu cổ

Văn minh Pyu xuất hiện khoảng vài thế kỉ tr. CN tại các lưu vực sông Mu và Iroaddy thuộc miền Trung Myanma. Các nghiên cứu cho biết, một số nơi cư trú của người Pyu đã phát triển thành trung tâm chính trị - kinh tế - tôn giáo của các quốc gia đầu tiên, nổi bật là Halin, Beikthano và Sriksetra⁽¹⁾.

Vương quốc *Beikthano* của người Pyu cổ nằm giữa khu đất phù sa của năm con sông lớn Iroaddy: sông Yin; Xadoun (cũng gọi là Sun); Ngamin chảy mạn phía Bắc và Đông Bắc; sông Yan Pe cũng gọi là Yabe và Taungu chảy từ phía Đông Nam. Các thành lũy ở đây được xây bằng 3 loại gạch khác nhau. Về vấn đề này, có thể xem thêm *Kiến trúc Beikthano* của Vũ Quang Thiện⁽²⁾. Đáng chú ý là loại gạch một, kích thước trùng hợp với loại gạch Ấn thời kì Axôka. Có nhiều ngôi nhà lớn được phát hiện. Vũ Quang Thiện cho rằng: "Các ngôi nhà lớn đó mang chức năng công cộng, tôn giáo nào đó"⁽³⁾.

Các nghiên cứu về Myanma cho rằng, thế kỉ II có thể đã chứng kiến những hiểu biết ban đầu về Phật giáo ở Beikthano. Sau đó, vào thế kỉ IV, đã xuất

hiện một hệ thống công trình Phật giáo lớn tại đây. Những kiến trúc này xuất hiện là minh chứng rõ nét về sự chấp nhận của dân chúng nơi đây đối với đạo Phật. Khoảng từ thế kỉ III đến thế kỉ IV, Nagarjunakonda là một trung tâm buôn bán của Beikthano có quan hệ với các nước vùng Địa Trung Hải và với Xri Lanka. Trong thời gian này, ở Nagarjunakonda đã tồn tại một thể hỗn hợp hai dòng Phật giáo Đại thừa và Phật giáo Tiểu thừa. Sự hấp dẫn của tư tưởng Phật giáo không chỉ dừng lại nơi dân chúng. Nhiều tài liệu cho biết, ngay từ thế kỉ IV, các quốc vương Pyu đã là những Phật tử⁽⁴⁾.

Tu viện ở Nagarjunakonda được đánh giá là kiến trúc điển hình nhất Beikthano. Tại đây, có một Xtupa với cấu trúc trung tâm hình trụ, đường kính 9,3m; độ cao còn lại 3m, lõi bằng gạch vụn, ngoài phủ một lớp gạch Axôka dày 1,2m. Công cuộc khai quật khảo cổ học cho biết, khu vực đường hành lễ có ba

*. Ths., Đại học Nội vụ Hà Nội.

1. Vũ Quang Thiện, *Lịch sử Myanma*, Nxb. KHXH, 2005, tr. 37.

2. Vũ Quang Thiện, *Kiến trúc Beikthano*, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*, tháng 3/2001.

3. Vũ Quang Thiện, *Lịch sử Myanma*, sđd, tr. 42.

4. Vũ Quang Thiện, *Lịch sử Myanma*, sđd, tr. 44.

đồng tiền bạc và một số mảnh gốm văn in hình những biểu tượng may mắn gốc Ấn, như đôi cá (Vajra), bình Kailaxa... Phía trên - phần trung tâm có một lớp gạch lát. Tuy nhiên, kiến trúc Xtupa Nagarjunakonda không có các bức phù điêu và bình đồ của đại Xtupa (Mahacetiya) mang hình bánh xe như kiến trúc ở Ấn Độ.

Xri Kxetra là một vương quốc khác của người Pyu được đánh giá là lớn mạnh hơn Beikthano. *Xri Kxetra* nằm trong thung lũng Nauyin, khu vực Prôm. Nằm bên cảng lớn, quốc gia cổ này đã phát triển thành cảng thị, tham gia tích cực vào thương mại quốc tế. Theo tác giả *The Aciend Pyu of Burma*, tàu buôn Ấn trực tiếp trao đổi hoặc ghé qua đây, sau đó đến Thatôn và các hải cảng Môn khác. Sau khi hàng hóa được bốc dỡ, lại được tiếp tục vận chuyển qua dải đất hẹp miền Nam đến bên kia vịnh Thái Lan. Với vai trò như thế, *Xri Kxetra* được đánh giá là một mắt xích của hệ thống thương mại quốc tế. Hàng trao đổi gồm đồ thủ công mỹ nghệ bằng vàng bạc, nông sản và những bức tượng...⁽⁵⁾

Tuy nhiên, *Xri Kxetra* không chỉ nổi tiếng bởi vị trí của nó trong giao lưu thương mại, mà người ta còn biết về địa danh này là trung tâm Phật giáo. *Tân Đường Thư* chép rằng, người Pyu (mà họ gọi là Phiêu) "giỏi thiên văn, yêu Phật pháp. Có hàng trăm ngôi chùa lợp ngói lưu li, dát vàng lộng lẫy, nên quét vôi màu tía, phủ gấm, thảm... Dân đến bảy tuổi thì cắt tóc ở chùa, 20 tuổi không đắc đạo thì về làm dân"⁽⁶⁾.

Tại *Xri Kxetra* phát hiện thấy một "quyển sách" với hai mươi trang bằng vàng, ở trên khắc những đoạn Kinh Pali. Các học giả khẳng định rằng, sự kiện này đã "chứng tỏ rằng Kinh Abhidhhamma thuộc trường phái Phật

giáo Theravada đã được nghiên cứu và phổ biến ở đây"⁽⁷⁾. Tài liệu Trung Quốc ghi trong thành có nhiều tu viện được trang trí vàng, bạc và các bức tranh có những màu sắc khác nhau. Hầu hết các công trình kiến trúc Phật giáo nằm ở phần phía Bắc và bên ngoài các bức tường thành. Chúng được bảo tồn tốt hơn nhiều các công trình cùng loại ở Beikthano, bao gồm loại thân rồng và thân đặc... Xtupa thân rồng được đặt ở lối ra vào, gồm dạng thân hình trụ, hình vuông và hình khối chữ nhật.

Bên ngoài phần tường thành phía Nam là Bobogi còn khá nguyên vẹn. Căn cứ vào loại hình chữ viết trên các bảng tạ lễ bằng đất nung và các vật khác phát hiện được tại công trình, Aung Thaw trong *Historical Sistes in Burma* cho rằng, công trình được xây vào khoảng thế kỉ VI - VII. Hình dạng của nó được xem là tiến triển, trừ loại hình bán cầu giống tiền thân ở Sanchi và Amarvarvati⁽⁸⁾.

Ngoài ra, còn có nhiều công trình kiến trúc khác ở trong thành. Loại Xtupa thân rồng được gọi là Gù. Trong công trình mang tên Yanhandá Gù, mái vòm có ba cửa vào, phía trước bức tường tây là hai tấm đá mang hình phù điêu tám vị Phật ngồi thành dãy. Loại hình Xtupa thân đặc tồn tại với số lượng ít. Payataung có nền vuông, có những cột giả và hình cửa tò vò trang trí ở các mặt.

1.2. Tại các quốc gia Môn cổ

Người Môn là giống người thuộc chủng tộc Mongoloid ở thung lũng sông

5. Xem thêm: Janic Stargardt, *The Aciend Pyu of Burma*, Vol. One. PACSEA Cambridge ISSEAS, Singapore, 1990, pp. 98 - 101.

6. Vũ Quang Thiện, *Lịch sử Myanma*, sđd, tr. 53.

7. Vũ Quang Thiện, *Lịch sử Myanma*, sđd, tr. 54.

8. Aung Thaw, *Historical sistes in Burma*, Sarpay Beikman Press, Rangoon, 1978, p.19.

Dương Tử di cư đến các vùng thuộc châu thổ sông Hằng, Atxam và vài châu thổ sông lớn ở Đông Nam Á, trong đó có vùng châu thổ sông Xittaung và Iraoady của Myanmar. Theo học giả Chen Yi - Sein, có khả năng sự di chuyển của người Môn đến Myanmar được tiến hành từ trước Công nguyên⁽⁹⁾. Vào thiên niên kỷ I, người Môn đã làm chủ những khu vực rộng lớn ở Đông Nam Á lục địa, với ba quốc gia hùng mạnh: Haripunjaya, Dvaravati (Thái Lan) và Thatôn (Myanmar). Đến đầu Công nguyên, tại miền Nam Myanmar, nhiều điểm tụ cư của người Môn thành lập ở cửa sông Iraoady và sông Xittaung, trong đó Taikkala và Thatôn phát triển nhất.

Theo Đại Biên niên sử Mahavamxa của Xri Lanka, sau thắng lợi của Hội nghị Phật giáo lần thứ ba (227 tr. CN), nhiều đoàn truyền giáo được phái đi các vùng khác nhau ở trong và ngoài Ấn Độ. Trong *Notes on the Early History and Geography of British Burma, I - The Firste to Suvannabhumi*, tác giả E. Forchammer cho biết, những nhà truyền giáo đến Vùng đất Vàng - Xuvannabhumi, gồm Thera Xonna và Uttara. Họ đã tiến hành thuyết giảng kinh Brahmagiala (Phạm Vông) của Phật, cải hóa được 6.000 dân, 2.500 người đàn ông đã tự nguyện đi tu và 1.500 người đàn bà được nhận vào tăng hội⁽¹⁰⁾.

Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, cảng thị *Taikkala* là một trung tâm cư trú đông đảo, một vùng biển thu hút các con tàu buôn ngoại quốc đến neo đậu để trao đổi hàng hóa hay lánh nạn. Đây là một trung tâm văn hóa cổ đã tiếp thu và phát triển Phật giáo Tiểu Thừa có pha trộn các yếu tố Đại Thừa và Ấn Độ giáo ở mức độ cần thiết⁽¹¹⁾, có những điểm tương đồng với văn hóa Pyu.

Thatôn ở một cảng sông, nằm không xa Taikkala. Những di vật còn lại đến nay ở *Thatôn* không còn nhiều. Thời gian từ năm 844 - 848, nhà địa lí học Ả Rập Ibn Khordadzebek từng đến thăm xứ này. Trong *Sách về các con đường và các tỉnh*, ông đã miêu tả về tiểu quốc này. Ibn Khordadzebek gọi một cách đúng đắn tên xứ này là Ramana Dexa - xứ Môn⁽¹²⁾.

Trong tài liệu cổ của Myanmar, *Thatôn* là *Xudhama* hay *Xudhammanagara*, *Xudhamapura*, và được xác định là nơi sinh của Đức Phật thứ 6 Xobheta. Đến đời Phật thứ 24, Kaxxapa, thì vị Phật này đã cải giáo vô số các Đeva (Thần linh) theo đạo Phật. Biên niên sử trong *Cung điện Thủy tinh* ghi rằng, nhà sử học vĩ đại Budhaghoxa (Phật Âm) quê Hạ Myanmar và rằng chính Ngài đã đưa Tam Tạng Kinh từ Xri Lanka về cho đồng bào mình vào thế kỷ V. Tuy nhiên, học giả Hmannan Yazawin lại cho rằng, thực ra nhà sư này quê Ấn Độ, chưa từng đến xứ Môn. Nhưng có thể mối liên hệ giữa Myanmar và Xri Lanka đã được thiết lập từ rất sớm. Sau khi Axôka qua đời, Phật giáo Đại thừa chiếm ưu thế ở Ấn Độ, còn Xri Lanka là thành trì của Phật giáo Theravada. Người Môn ở *Thatôn* tiếp thu Phật giáo từ trung tâm quan trọng ở Cônggiêvêram. Sau khi Ấn Độ giáo lấn át Phật giáo ở Cônggiêvêram, Xri Lanka mới giữ vai trò trung tâm của Phật giáo Hinayana⁽¹³⁾.

9. Chen Yi - Sein, *Lin Yang (Visnu City) 1st - 5th centuries AD*, *Studies in Myanmar History*, Vol.1, Innwa Publishing House, Yangon, Myanmar.

10. E. Forchammer, *Notes on the Early History and Geography of British Burma, I - The Firste to Suvannabhumi*, Rangoon, 1884.

11. Vũ Quang Thiện, *Lịch sử Myanmar*, Nxb. KHXH, 2005, tr. 72.

12. Vũ Quang Thiện, *Lịch sử Myanmar*, sđd, tr. 73 - 74.

13. Hmannan Yazawin, *The Glass Palace Chronicle of The Kings of Burma*, Translated by Pe Maung Tin and G. H. Luce, London, University Press, 1923, pp. 46 - 49.

Những công trình kiến trúc Phật giáo ở các quốc gia Môn cổ trước kia, nay còn lại không nhiều. Theo truyền thuyết⁽¹⁴⁾, chùa Suê Dayan ở Thatôn được xây từ thời Phật còn tại thế, bên trong chứa bốn Răng Phật. Cấu trúc nguyên thủy ngôi chùa nay không còn. Trong khu vực chùa còn lưu bảy tấm bia đá lớn, năm tấm trong đó mang những dòng chữ Môn mang phong cách thế kỉ XI.

2. Điều khắc

2.1. Tại quốc gia Pyu cổ

Bên cạnh các kiến trúc, tranh tượng điêu khắc cũng phản ánh đặc điểm đời sống tôn giáo và sinh hoạt nghệ thuật đương thời. Tại vương quốc Xri Kxetra, nhiều hình tượng Phật được chạm nổi trên các phiến đá lớn. Nghiên cứu của Vũ Quang Thiện cho biết, trên tấm bia đá gần Bobogi có hình phù điêu thể hiện Phật ngồi trên bệ thấp, chân xếp chéo, tay cầm bát; cùng với bên phải một đệ tử, bên trái chắc từng có một đệ tử khác nay không còn. Các tấm đá ở Xri Kxetra đã được đưa về trưng bày ở phòng thụ phong Kyaukka và tu viện ở Đông Hmoza không còn lưu nguyên những hình khắc cổ. Nhưng trên mỗi tấm vẫn còn có thể nhận ra hình đức Phật ngồi, tay “gọi đất chứng giám”, bên cạnh là đệ tử chấp tay cung kính⁽¹⁵⁾.

Là quốc gia sùng đạo Phật, tất yếu Myanma sẽ sở hữu một cách giàu có những dấu ấn của Phật giáo. Có thể tìm thấy khá nhiều dẫn chứng của ngành khảo cổ học để minh họa cho nhận định này khi đọc *Historical sistes in Burma* của học giả Aung Thaw. Tại Bebe, đã phát hiện hình phù điêu thể hiện Phật ngồi trên bệ sen kép. Trong bức phù điêu này, tay trái Phật chạm đất, tay phải đặt trong lòng, hai bên là hai đệ tử cung kính, dưới bệ sen là dòng chữ Pyu. Một tấm đá tìm thấy ở Giegu Đông có khắc cảnh Đức Phật lần đầu thuyết pháp: Ngài ngồi trên bệ nhỏ, chân

phải đặt trên chân trái, tay trái duỗi, đặt lên đầu gối, tay phải bị vỡ đoạn phía dưới cùi chỏ. Bên cạnh Người là một nhân vật đang đứng, đầu vận trang phục, tay cầm một vật giống như cái quạt, bên cạnh là biểu tượng Xakra, hươu và hai người thái độ cung kính. Hình phù điêu tại đền Letmyethana, miêu tả Phật với tay trái đặt lên đầu gối trái, tay phải đặt trong lòng. Bên phải Đức Phật là một người khác, mà Aung Thaw cho rằng có thể là Phật Di Lặc. Đầu tượng Phật và nhân vật bên trái bị hư hại. Phù điêu này được xem là mang phong cách Gupta, niên đại thế kỉ VII⁽¹⁶⁾.

Các nghiên cứu⁽¹⁷⁾ cho biết: Hầu hết các di chỉ ở Xri Kxetra có rất nhiều bức phù điêu bằng đá cỡ nhỏ. Hình phù điêu ở phiến đá tại gò Suenyaungbino (cao 38cm), miêu tả sự tích Phật Thích ca sơ sinh⁽¹⁸⁾. Một tấm đá khác có hình phù điêu tái hiện tích Phật thuần hóa con voi dữ Nalagiri. Tấm thứ ba (cao 33,5cm), trình bày cảnh Đức Phật lần đầu thuyết pháp trong vườn Lộc. Ngài ngồi trên bệ sen, ô che đầu, tay trong thế chuyển pháp luân ấn. Quanh Phật là năm người nghe thuyết giảng, hai người quỳ gối, tay cung kính. Dưới bệ sen nơi Phật ngồi có con linh dương quay mặt về phía bánh xe đặt trên một cái bệ ở giữa. Ở mảng tranh dưới có hình thần Brahma. Một nhân vật quỳ gối ở bên trái, được cho là thần Xakra - Vua của các thần linh. Các hình phù điêu này in dấu ấn ảnh hưởng Gupta nhưng mang những đặc điểm chủng tộc Mongoloid và có thể có niên đại muộn hơn một hoặc hai thế kỉ so với các tác phẩm Gupta.

14. Vũ Quang Thiện, *Lịch sử Myanma*, sđd, tr. 74.

15. Vũ Quang Thiện, *Lịch sử Myanma*, sđd, tr. 56.

16. Aung Thaw, *Historical sistes in Burma*, Sarpay Beikman Press, Rangoon, 1978, p. 24.

17. Vũ Quang Thiện, *Lịch sử Myanma*, sđd, tr. 56.

18. Phù điêu miêu tả Hoàng hậu Maya đứng giữa, đỡ bên trái bà là người em gái Maharapati, bên phải là Phật Thích ca vừa sinh, đang đứng.

Bức phù điêu thứ tư được xác định có niên đại thuộc thế kỷ IX, và được các nhà nghiên cứu đánh giá là đã thể hiện một trình độ nghệ thuật tinh tế hơn⁽¹⁹⁾. Bức phù điêu này trình bày Bánh xe Pháp luân với phần trên được chia thành hai ngăn nhỏ, phân cách nhau qua một Xikhara, mỗi ngăn chứa hai nhân vật đứng: Ở trong là Phật, bên ngoài là Mahabrahma có hai đầu. Phần giữa khắc hình một hốc tò vò nhỏ, bên trong là hình Phật ngồi chân bắt chéo và trong các hốc nhỏ hơn thấy hình những người hầu bận áo tu quý trên chiếc ghế; dưới hai vị này là hai nhân vật - được đoán là những người mộ đạo, mang bình trên đầu gối nâng hơi cao. Có thể đọc thêm cuốn *Historical sistes in Burma* của Aung Thaw để biết thêm về vấn đề này⁽²⁰⁾.

Tác phẩm nghệ thuật cũng là một nguồn sử liệu đáng tin cậy để tìm hiểu về tình hình chính trị - xã hội và cả những phong tục của người đương thời. Truyền thuyết hay biên niên sử Myanmar thường kể về phương thức giải quyết tranh chấp giữa các quốc gia thông qua hình thức chiến đấu tay đôi, hoặc cam kết hoàn thành trước một công việc nào đó (như xây Xtupa hoặc nhà nghị). Truyền thuyết có nói về cuộc chiến tranh giữa Beikthano và Xri Kxetra. Kết cục của chiến tranh là cuộc hôn nhân giữa nữ hoàng Beikthano và quốc vương Xri Kxetra. Các nhà khảo cổ học đã phát hiện một cái tháp hình trụ nhỏ mạ bạc mang hình tượng đức Phật ngồi với dòng chữ Pyu và Pali ghi tên “Nhà cầm quyền Varma hạnh phúc” và “Nhà cầm quyền Devi hạnh phúc”. Đã tồn tại những luồng ý kiến khác nhau khi kiến giải về hiện vật này. Một số học giả Châu Âu coi đây là tên hoàng hậu Beikthano và vua Xri Kxetra, một số khác thì coi Xtupa là một hiệp ước hòa bình hữu nghị giữa hai vương quốc.

Theo Vũ Quang Thiện⁽²¹⁾, có nhiều bằng chứng về sự tồn tại Phật giáo Mahayana. Ở Xri Kxetra, người ta tìm thấy một phù điêu mang hình Bồ Tát ngồi trên ngai giống như vua, đầu gối phải nâng, chân trái buông thông, tay phải không còn, tay trái đặt lên đầu gối trái, đầu có trang phục, tay đeo vòng. Một bức tượng Quan Thế Âm Bồ Tát bằng đồng thau được thấy gần Bobogi diễn tả Bồ Tát đứng hơi nghiêng về bên phải, tay phải giơ giữa chừng, bàn tay ở thế vô úy. Một sợi dây vắt từ trên vai trái xuống ngang hông, được búi thành nút to dưới rốn. Bên dưới thắt lưng có khăn quấn ngang hông trễ rủ bên đùi phải, phần bên trái thắt thành búi lớn. Trang phục dưới của Bồ Tát được xử lí khéo, tạo cảm giác hơi bay về phía sau, phù hợp với động thái hơi rướn chân phải lên dềng trước. Đầu Bồ Tát đội vương miện. Một tượng đồng thau nhỏ khác thể hiện Maitreya; trên bệ tượng còn lưu dòng chữ Pyu. Bên trong khu hoàng cung còn thấy bức phù điêu đá miêu tả có lẽ là một vị thần hộ pháp Đvarapala đứng trên lưng cá sấu, với thân hình dầy dề, thấp, tay trái giơ hơi chạm vào thái dương, đầu đội một thứ mũ hơi nhọn, tay phải chống lên đùi bên phải, chân phải đặt trên một bệ; một sợi xích to buông từ rốn xuống chạm đất. Một pho tượng tròn bằng đá thể hiện Phật ngồi trên bệ đá hình chữ nhật, hai tay đặt trong lòng. Quanh bệ có dòng chữ Pyu và Xanxkrit. Phần chữ Xanxkrit phơi bày phong cách chữ thời Gupta, nhưng có thể mang niên đại muộn hơn - thế kỷ VII.

Trong *History of Myanmar Culture, Myanmar two Millennia*, Than Tun cho

19. Vũ Quang Thiện, *Lịch sử Myanmar*, Sdd, tr. 56.

20. Aung Thaw, 1978. *Historical sistes in Burma*, Sarpay Beikman Press, Rangoon.

21. Vũ Quang Thiện, *Lịch sử Myanmar*, sdd, tr. 57, 59.

biết: Tên những đồ mỹ nghệ Myanma được trang trí nhiều hình tượng Phật. Một chiếc hộp hình trụ bằng bạc mạ mang có chạm bốn vị Phật ngồi trên bệ sen, đầu tỏa hào quang, hai chân xếp lại, chân phải đặt bên trên chân trái, tay phải đặt lên đầu gối phải với các ngón tay hướng xuống, tay trái đặt ngửa bên trên đoạn mắt cá chân phải, bên cạnh có bốn đệ tử. Rìa miệng hộp có các dòng chữ Pyu và Pali kiểu Nam Ấn, ghi rõ tên các Đức Phật: Gotama, Kolagamana, Kakusandha và Kassapa, và các đoạn trích Kinh Vinaya Pitaka. Một chiếc hộp khác có bốn mặt nhỏ hơn, trên mỗi mặt có hình nổi một đức Phật ngồi thiền, đầu tỏa ánh hào quang⁽²²⁾.

Tiểu quốc Halin của người Pyu nằm ở thượng Myanma, cách Suêbô khoảng 18km về phía Đông Nam. Tại nơi được coi là hoàng cung, công cuộc khảo cổ học đã mang lại một tấm đá có 6 dòng chữ Pyu, chữ cái thuộc loại chữ Nam Ấn thế kỉ VIII hoặc IX, và giữa các dòng còn thấy vài chữ cái Brahmi. Ở góc Đông Nam thành cổ, người ta phát hiện hình ảnh một người (phần trên tác phẩm bị vỡ) với tay phải đặt lên đùi phải ở trên một tảng đá tại một ngôi mộ cổ. Các nhà sử học cho rằng, đó là đối tượng tôn thờ, vì dưới nhân vật to lớn khác thường đó là 50 người đang chấp tay trước ngực cung kính, đầu cuốn khăn hay để trần với lọn tóc búi lại. Tuy nhiên, vẫn khó xác định đối tượng tôn thờ đó là Thần hay Phật⁽²³⁾. Mặc dù vậy, với những thông tin này các nhà sử học cũng có thể đi đến khẳng định, cư dân Halin đã tiếp thu văn hóa Ấn, tạo lập nên một hình thức thể chế có thể xem là quốc gia sơ khai.

2.2. Tại các quốc gia Môn cổ

Cuộc khai quật khảo cổ học những năm 1975 - 1978 đã phát hiện một tấm bia đá do ông vua Môn Đhammadedi cho dựng vào cuối thế kỉ XV. Theo văn bia

này, thành Golamattikanaga cũng được gọi là *Taikkala*, nằm cạnh làng Ayethhâm bên chân dải đồi Kelaxa, cách Thatôn khoảng 48 km về phía Bắc. Về khu di tích, có thể đọc thêm tác phẩm *The Excavation of Ayethma and Winka Suvannabhumi; Studies in Myanma History* của Myin Aung⁽²⁴⁾. Tại những di chỉ khai quật, đồ gốm thu được với số lượng lớn bao gồm đồ đựng, chân đế, bảng tạ lễ, hạt trang sức... mà E. Forchammer⁽²⁵⁾ cho rằng một số hiện vật trong đó có thể được nhập từ Ấn Độ.

Trong *Lịch sử Myanma*, Vũ Quang Thiện cho biết: Có hàng trăm bảng tạ lễ bằng gốm được thu thập hầu hết trong tầng văn hóa ở Taikkala, được xác định ra đời khoảng thế kỉ VI. Nhiều bảng có mang những hình Phật in nổi và được phân thành hai dạng. Ở dạng thứ nhất, các hình Phật được bố trí thành ba dãy: trên cùng là ba vị Phật ngồi trong tư thế ấn thiền (Dhyanī - mudra), giữa là hai Phật ngồi trong tư thế như trên, dưới là ba vị Phật ngồi trên bệ tròn và cuối cùng là hai Phật đứng cạnh bệ. Dạng còn lại nhỏ hơn, miêu tả ở phần trên ba vị Phật ngồi dây ngang; phần dưới cũng gồm ba nhân vật, vị ở giữa lớn hơn, nhưng không quá lớn, là Phật ngồi thiền, tay thu vào trong lòng, hai chân xếp, đầu được che bởi một cái tán 5 đầu rắn Naga, hai bên là hai nhân vật đứng⁽²⁶⁾.

Cuộc sống tôn giáo đương đại cũng

22. Than Tun, "History of Myanmar Culture", *Myanma two Millennia*, Part 4, UHRC, Yangon, 2000.

23. Vũ Quang Thiện, *Lịch sử Myanma*, sđd, tr. 38.

24. Myin Aung, *The Excavation of Ayethma and Winka Suvannabhumi; Studies in Myanma History*, Vol.I, Innwa Publishing House, Yangon, Myanma, 1999, pp.17 - 64.

25. E. Forchammer, *Notes on the Early History and Geography of British Burma, I - The First to Suvannabhumi*, Govt Printing, Rangoon, 1884.

26. Vũ Quang Thiện, *Lịch sử Myanma*, Sđd, tr. 71.

phản ánh qua phù điêu, tranh tượng. Myin Aung trong *The Excavation of Ayethama and Winka Suvannabhumi; Studies in Myanmar History* cho biết: Tại Taikkala có một bức bằng gốm, khắc chìm hình Bồ Tát ngồi, đứng hai bên là người hầu. Ngoài ra, còn có một tượng tròn bán thân bằng đất nung cao khoảng 30cm thể hiện thân Ấn giáo Ganexa và một hình sư tử bán thân nằm nghỉ⁽²⁷⁾.

Tác phẩm *Discovering Myanmar* có đề cập đến bức tượng Phật khổng lồ Mahamuni ở *Thaton* làm bằng hợp kim đồng thau tương truyền do vua Xandra Xuriya cho làm vào năm 146, cao đến 3,8m không kể phần đế tượng. Đó là báu vật, biểu tượng tự hào của dân tộc Miến⁽²⁸⁾.

Người Môn tôn thờ Gavampati - một vị La Hán. Họ coi Gavampati là Thần bảo hộ dân tộc và làm nhiều tượng Gavampati để tôn thờ. Có một bức tượng Phật bằng đồng thau phát hiện thấy trong tu viện Xadhamajotika với cánh tay phải giơ cao trong tư thế đẩy lùi sợ hãi, tay trái đặt nơi mép áo. Các nhà sử học xác định đó là tượng Phật Dipankara. Chiếc áo choàng của Ngài được khắc họa tinh tế, bó sát thân thể, với gấu rõ đường gấp nổi, dai quanh đoạn thắt lưng nổi rõ. Aung Thaw cho rằng, hình tượng này giống với hình tượng Phật ở Xri Kxetra niên đại thế kỷ VII hoặc VIII⁽²⁹⁾.

Sa thạch đỏ và đá Laterit là những chất liệu thường thấy ở những bức phù điêu trên các tấm đá lớn của người Môn. Ngoài đá, họ cũng còn làm các tác phẩm

nghệ thuật bằng đồng thau. Những bức tượng của họ tròn, to như nguyên mẫu, mang dáng vẻ thanh thoát và phóng khoáng gắn với cuộc sống, chứ không gò bó⁽³⁰⁾. Ở Molamyin, còn lại một bức tượng Phật ngồi trên ghế băng với đôi chân buông thoải mái.

Năm 1044, Anawratha thống nhất được Myanmar. Sự thuyết pháp của một nhà sư khiến ông tin theo đạo Phật. Nhiều công trình Phật giáo và tượng Phật được xây dựng trên đế quốc Pagan thời Anawratha, nhiều bức tượng được nhà vua mang từ nơi khác về từ kết quả thắng lợi của cuộc chinh phục⁽³¹⁾.

Phật giáo là đề tài hấp dẫn nhiều học giả khi nghiên cứu về Myanmar. Kiến trúc và điêu khắc thời Cổ - Trung đại trên đất nước Chùa Vàng là những căn cứ sống động và thuyết phục nhất về sự tồn tại của đạo Phật đương thời. Đồng thời các công trình nghệ thuật này cũng chính là minh chứng cho sự lâu đời về lịch sử - văn hóa của đất nước Myanmar./.

27. Myin Aung, *The Excavation of Ayethama and Winka Suvannabhumi; Studies in Myanmar History*, Vol.I, Innwa Publishing House, Yangon, Myanmar, 1999, p. 49.

28. Universities Historical Research Centre. *Discovering Myanmar*, Yangon, 1998, p. 33; xem thêm: Maung Htin Aung, *A History of Burma*, Comlumbia University Press, New York and London, 1967, p. 37.

29. Aung Thaw, *Historical Sistes in Burma*, Sarpay Beikman Press, Rangoon, 1978, p. 38.

30. Vũ Quang Thiện, *Lịch sử Myanmar*, Sdd, tr. 76.

31. Khin Myo Chit, *Anawratha of Burma*, Thihayatana Press, Rangoon, 1970.